TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/ DS - ST
Ngày: 30-7- 2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Vân
2. Bà Trịnh Thị Loan

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân- Thư ký Tòa án nhân dân h. Hoằng Hóa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa không tham gia phiên tòa*:

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2020/TLST- DS, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST- DS, ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1974. có mặt
Địa chỉ: Phố V, thị Trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1974. Vắng mặt
Địa chỉ: Phố S, thị Trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Lê Thị Ph. Bị đơn chị Trịnh Thị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Lê Thị Ph trình bày:

Do có mối quan hệ anh em họ trong nhà nên trong lúc khó khăn tôi có cho chị T vay số tiền 400.000.000đ. Tôi chốt nợ với chị T ngày 30/5/2016 với số tiền 400.000.000đ. Nhưng chị T vẫn không trả cho tôi được đồng nào. Đến ngày 30/11/2017 chị T lại chốt nợ lần 2 với tôi vẫn số tiền nợ là 400.000.000đ. Tuy nhiên đến nay chị T vẫn không trả cho tôi được đồng nào.

Nay tôi yêu cầu chị T phải trả số tiền nợ là 400.000.000đ(Bốn trăm triệu đồng) cho tôi làm một lần.

Về lãi xuất: Chị Ph đề nghị Tòa án tính lãi xuất 10%/năm từ khi hai bên chốt nợ là ngày 30/11/20117 cho đến nay.

Tại lời khai ngày 08/5/2020 của bà Trịnh Thị T - bị đơn trình bày:

Năm 2016 tôi có vay của chị Ph số tiền 400.000.000đồng là số tiền của những năm trước đó năm 2008 tôi vay lúc 50 triệu lúc 30 triệu. Qúa trình vay tôi đã trả gốc đầy đủ, còn số tiền này do tôi vay lãi ngày 9.000đ/1.000.000đ/1ngày nên số tiền lãi chị Ph tính cho tôi là đến năm 2016 là 400.000.000đồng. Đến ngày 30/11/2017 tôi chốt nợ với chị là 400.000.000đồng. Giấy này cũng là giấy vay của ngày 31/5/2016. Nguyện vọng của tôi là được trả dần và tôi yêu cầu làm rõ từ năm 2017 đến 2018 mỗi tháng nhà chị Ph đến nhà tôi lấy 4.000.000đồng tiền lãi.

Về lãi xuất đề nghị tính lãi xuất ngân hàng từng thời điểm tôi và chị Ph chốt nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Ph không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay (tiền) là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản(tiền) giữa nguyên đơn là chị Lê Thị Ph và bị đơn là bà Trịnh Thị T có hộ khẩu tại Phố Vinh Sơn, thị Trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy đây thuộc loại việc được quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hoằng Hóa.

[2]. Về nội dung: Chị Lê Thị Ph yêu cầu chị T trả số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Nhưng giữa Chị Ph và chị T không thống nhất được với nhau về thời gian thanh toán nợ đối với khoản tiền nợ.Nay chị Ph yêu cầu buộc chị Tơ phải trả số tiền cho chị làm một lần.

Xét yêu cầu của chị Ph: Hội đồng xét xử xét thấy trong Giấy vay tiền thì chị T có nợ chị 400.000.000đồng và chị T chỉ thừa nhận 400.000.000đồng tiền nợ với chị, chị T sẽ thanh toán khoản tiền đã vay nhưng đến nay chị T vẫn không trả được cho chị Ph được đồng nào nên việc chị Ph yêu cầu chị T phải trả toàn bộ số tiền nợ của chị một lần cùng với số tiền lãi theo mức lãi suất 10% /năm tính từ 30/11/2017 cho đến nay, là có căn

cứ, đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận yêu cầu của chị Ph. Buộc chị Trịnh Thị T phải trả cho chị số tiền vay là 400.000.000đồng.

Do đó không có căn cứ để miễn tiền lãi cũng như không có căn cứ để chấp nhận phương án trả nợ dần của chị Trịnh Thị T.

Xét về lời nại của chị T về việc chị đã vay của chị Ph với lãi xuất là 9.000đ/1.000.000đ/1 ngày, quá trình làm việc chị Ph không thừa nhận có việc thỏa thuận với lãi xuất là 9.000đ/1.000.000đ/1 ngày, đồng thời trong giấy nhận vay tiền do chị T viết cũng không thể hiện việc hai bên có thỏa thuận về việc vay với lãi xuất như trên nên lời nại của chị T là không có cơ sở.

Buộc chị Trịnh Thị T phải thanh toán cả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của chị Phương như đã nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo đó, chị Trịnh Thị T phải thanh toán cho chị Ph số tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2017 đến ngày mở phiên tòa hôm nay là 31 tháng trên số tiền gốc là 400.000.000đ. Cụ thể số tiền lãi là:

$$\frac{400.000.000 \times 10\% \times 31 \text{ tháng } (930 \text{ ngày})}{365}$$

= 101.917.000đ

Như vậy, tổng số tiền chị T phải thanh toán cho chị Ph là:

+ Tiền nợ gốc: 400.000.000đ + Tiền lãi 101.917.000đ = Tổng cộng: 501.917.000đ(Năm trăm linh một triệu chín trăm mười bảy ngàn đồng).

[3]. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của chị Ph được Tòa án chấp nhận có giá ngạch; Chị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271,Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ph .

Buộc chị Trịnh Thị T phải trả cho chị Lê Thị Ph số tiền là: 501.917.000đ(Năm trăm linh một triệu chín trăm mười bảy ngàn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án,mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy

đủthì phải chịu phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015,đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 24.076.000đ(Hai bốn triệu không trăm bảy mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Lê Thị Ph không phải chịu án phí dân sự. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà chị Ph đã nộp là 10.500.000đồng(Mười triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009848 ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Lê Thị Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trịnh Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Phương

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ